

Khoa học Công nghệ & DOANH NGHIỆP

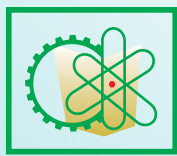
Số 02-2015 (02)

LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ THÔNG TIN KHCN TỈNH LÂM ĐỒNG



- Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp và tín dụng tái canh cây cà phê tỉnh Lâm Đồng
- Hoạt động kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng - Thực trạng và giải pháp
- Ngành Thuế Lâm Đồng đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp



Khoa học Công nghệ & DOANH NGHIỆP

Trong số này:

Chính sách - Định hướng

- 1 **Trần Văn Anh** - Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp và tín dụng tái canh cây cà phê tỉnh Lâm Đồng
- 3 **Trần Phương** - Hoạt động kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng - Thực trạng và giải pháp
- 5 **Trương Văn Đức** - Hỗ trợ doanh nghiệp Lâm Đồng nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN
- 8 **Nguyễn Trọng Thoan** - Ngành Thuế Lâm Đồng đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp
- 10 **Phạm Thị Minh Hiền** - Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến tại các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng

Thông tin hỗ trợ Doanh nghiệp

- 12 **Nguyễn Minh Tuấn** - Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 tại Công ty TNHH Quảng Thái
- 13 Atiso Đà Lạt Lâm Viên đồng hành cùng sức khỏe người tiêu dùng
- 14 Tin cảnh báo của các nước thành viên WTO
- 16 Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ năm 2015

Khoa học, Công nghệ và Đổi mới

- 17 **Nguyễn Tú Uyên** - Cải tiến liên tục Kaizen - Cơ hội giúp doanh nghiệp phát triển và thành công
- 19 Hướng dẫn đăng ký dịch vụ nộp thuế điện tử qua mạng
- 20 Công nghệ mới - Sản phẩm mới
- 22 **Nguyễn Thị Đỗ Quyên** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm gạch ốp lát



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG
★
TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ THÔNG TIN KHU VỰC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ:

Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt

Điện thoại: 063. 3833163

Email: khcn@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PGS. TS. Lê Xuân Thám

Biên tập

KS. Nguyễn Minh Tâm

CN. Nguyễn Xuân Hùng

KS. Ngô Đình Văn Châu

ThS. Phạm Thị Nhâm

CN. Ngô Huy Đông

ThS. Nguyễn Thanh Nhân

Huyền Thanh Mai

Trình bày:

Lê Cao Nguyên

Ảnh bìa:

Lê Công

*Hoạt động sản xuất - kinh doanh
tại Công ty TNHH Quảng Thái*

CHƯƠNG TRÌNH KẾT NỐI NGÂN HÀNG - DOANH NGHIỆP VÀ TÍN DỤNG TÁI CANH CÂY CÀ PHÊ TỈNH LÂM ĐỒNG

TRẦN VĂN ANH

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, hỗ trợ thị trường, ngành Ngân hàng đã triển khai đồng bộ, kịp thời nhiều giải pháp quan trọng giúp doanh nghiệp khắc phục khó khăn, duy trì, phục hồi và mở rộng sản xuất - kinh doanh.

Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp

Theo đánh giá tổng quan, tình hình sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng còn gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng hóa, hàng tồn kho chậm được luân chuyển, chi phí sản xuất biến động tăng cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp, sản xuất ngưng trệ, khả năng quay vòng vốn và hiệu quả kinh doanh thấp, năng lực tài chính và tài sản thế chấp không đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Trước những khó khăn của doanh nghiệp, được sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND tỉnh Lâm Đồng, cùng với sự phối hợp của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp đến tất cả các chi nhánh ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn. Theo đó, các NHTM đã chủ động tiếp cận với các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn, nhận dạng những khó khăn, vướng mắc nhằm đánh giá và triển khai các hoạt động liên quan đến tín dụng dựa trên 3 tiêu chí:

- Đối tượng tham gia chương trình là khách hàng cũ hoặc mới của các NHTM đang hoạt động sản xuất - kinh doanh tại các huyện, thành phố; các hộ kinh doanh cá thể có doanh thu từ 3 tỷ trở lên.

- Hình thức ký kết hợp đồng tín dụng (HĐTD) gồm ký mới; tăng hạn mức tín dụng phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; điều chỉnh giảm lãi suất cho HĐTD đã ký trước đó; chuyển đổi thời hạn vay từ ngắn hạn sang trung hoặc dài hạn.

- Lãi suất không quá 8%/năm đối với vay ngắn hạn và không quá 10%/năm đối với vay trung và dài hạn; riêng năm 2015, lãi suất cho vay tương ứng là không quá 7%/năm và 9%/năm.

Những kết quả bước đầu

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương



Lễ ký kết hợp đồng tín dụng giữa các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp, hộ kinh doanh

mại và Du lịch tổ chức Hội chợ Ngân hàng gắn với Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp năm 2014; tổ chức lễ ký kết hợp đồng tín dụng cho các doanh nghiệp tại Tp. Đà Lạt (tháng 7/2014) và Tp. Bảo Lộc (tháng 8/2014).

Đối với khách hàng hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề là thế mạnh của địa phương như: sản xuất - kinh doanh chế biến nông sản, thức ăn gia súc, chăn nuôi, xuất khẩu hoa, sản xuất rau - hoa công nghệ cao, du lịch - nghỉ dưỡng,... các chi nhánh NHTM đã thực hiện hỗ trợ dưới nhiều hình thức (ký mới HĐTD, điều chỉnh giảm lãi suất đối với HĐTD cũ, tăng hạn mức tín dụng; cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi suất cho vay...), giúp doanh nghiệp có nguồn vốn kinh doanh ổn định với chi phí thấp.

Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp đã có ý nghĩa thiết thực, hỗ trợ doanh nghiệp duy trì, phục hồi, phát triển hoạt động sản xuất - kinh doanh, giảm khó khăn về vốn và chi phí lãi vay. Qua đó, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau 9 tháng triển khai (từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2015), các chi nhánh NHTM đã ký kết được 475 HĐTD (trong đó có 455 HĐTD của doanh nghiệp và

20 HĐTĐ của các hộ sản xuất - kinh doanh) với số tiền hơn 5.722 tỷ đồng (trong đó, ký mới HĐTĐ là 3.508 tỷ đồng; tăng hạn mức tín dụng là 247 tỷ đồng; điều chỉnh giảm lãi suất cho các HĐTĐ cũ là 1.815 tỷ đồng, cơ cấu lại nợ 152 tỷ đồng). Doanh số cho vay mới, tăng hạn mức tín dụng và dư nợ được điều chỉnh lãi suất là 4.661 tỷ đồng, đạt 81% số tiền cam kết cho vay tín dụng đối với doanh nghiệp.

Chương trình tín dụng tái canh cây cà phê

Bên cạnh chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, ngành Ngân hàng đã triển khai có hiệu quả Chương trình tín dụng tái canh cây cà phê, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nông dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi, thời gian ân hạn phù hợp giúp cải tạo vườn cà phê già cỗi, năng suất kém.

Sau gần 2 năm triển khai (từ tháng 5/2013 đến nay), các chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh đã cho trên 4.500 lượt hộ gia đình vay gần 495 tỷ đồng thực hiện tái canh trên diện tích 5.502 ha với suất đầu tư tín dụng bình quân trên 89 triệu đồng/ha.

Lãi suất cho vay tái canh cà phê được áp dụng thấp hơn mức cho vay trung, dài hạn cùng thời điểm từ 1,5-2%; được điều chỉnh theo định kỳ tối thiểu 6 tháng/lần (từ tháng 6/2013 đến nay đã thay đổi lãi suất cho vay tái canh cà phê 3 lần: từ 10,5%/năm xuống 10%/năm, 9,5%/năm và hiện nay là 8,5%/năm). Thời hạn cho vay tái canh kéo dài đến 7 năm, được ân hạn trong giai đoạn kiến thiết cơ bản vườn cà phê và không thu phí khi khách hàng trả nợ trước hạn.

Theo đánh giá của các ngành chức năng, việc thực hiện các chính sách tín dụng phục vụ tái canh cây cà phê trên địa bàn tỉnh đã đạt kết quả khá tốt. Đến cuối năm 2014, dư nợ cho vay tái canh cây cà phê của tỉnh chiếm trên 80,7% và số lượt khách hàng vay vốn chiếm khoảng 90% của các tỉnh Tây Nguyên.

Một số khó khăn

Có thể khẳng định thông qua việc triển khai các chương trình trên đã giúp các chi nhánh NHTM trên địa bàn tỉnh đồng hành cùng doanh nghiệp và bà con nông dân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vào sản xuất - kinh doanh, mở rộng và tăng trưởng tín dụng, góp phần thực hiện vượt mức chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng chung của ngành. Tuy nhiên, việc triển khai các chương trình này còn gặp một số khó khăn như sau:

Đối với Ngân hàng - Doanh nghiệp

- Một số doanh nghiệp khó tiếp cận được nguồn vốn do không có tài sản thế chấp.

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, xây lắp chịu tác động trực tiếp từ những khó khăn

chung của nền kinh tế (như cắt giảm đầu tư công, nguồn vốn ngân sách bố trí hàng năm thấp, thời gian nghiệm thu, thanh toán kéo dài...) nên phải gánh thêm chi phí lãi vay, hoạt động cầm chừng, ảnh hưởng đến kế hoạch trả nợ ngân hàng.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc hỗ trợ xử lý tài sản bảo đảm đối với các tổ chức tín dụng còn hạn chế.

Đối với Chương trình tín dụng tái canh cây cà phê

- Việc xác nhận diện tích thực hiện tái canh cây cà phê của chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, chính xác.

- Các hộ trồng cà phê chưa thật sự hiểu rõ lợi ích của chương trình và một số quy định về cho vay mặc dù công tác tuyên truyền đã được UBND phường, xã triển khai sâu rộng đến các hộ trồng cà phê.

- Phương án giải ngân nhiều lần theo tiến độ thực hiện tái canh cây cà phê (cho vay trung hạn) là phù hợp. Tuy nhiên, nhiều hộ tái canh cây cà phê muốn giải ngân nguồn vốn vay một lần để sử dụng cho một số mục đích khác.

- Các bộ, ngành chậm triển khai việc hướng dẫn các cơ chế, chính sách liên quan nên nhiều NHTM còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

Định hướng triển khai trong thời gian tới

- Tăng cường phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành nhằm tuyên truyền có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các doanh nghiệp, hộ sản xuất - kinh doanh và tín dụng tái canh cây cà phê trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, tổ chức ký kết hợp đồng tín dụng tại Tp. Đà Lạt và Tp. Bảo Lộc; tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp giữa ngân hàng và doanh nghiệp để giải đáp các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng kịp thời và hiệu quả.

- Các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn cần đề ra biện pháp thích hợp nhằm giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ đến các doanh nghiệp và khách hàng.

Với sự quyết tâm của ngành Ngân hàng, sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh, cùng sự phối hợp của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện, tin rằng các Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp và Chương trình tín dụng tái canh cây cà phê sẽ giúp các doanh nghiệp, hộ nông dân duy trì, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. ■

HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT, NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TRẦN PHƯƠNG

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Đà Lạt

Thực trạng kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu

Lâm Đồng là một trong các tỉnh Tây Nguyên có thế mạnh về xuất khẩu nông sản với các sản phẩm chủ yếu như chè, cà phê, tiêu, dâu tằm, điều, rau, hoa, quả,... Trong những năm qua, số lượng các doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng này ngày càng tăng, chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Các doanh nghiệp này đã phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định từ khâu sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản... để sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu, đảm bảo an toàn.

Đối với hoạt động nhập khẩu, nhiều doanh nghiệp của tỉnh đã nhập các loại cây, củ, cành giống các loại từ các nước như Hà Lan, Đan Mạch, Chi Lê,... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước đáp ứng nhu cầu của các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU,...

Nhìn chung, hoạt động kiểm dịch xuất khẩu nông sản hiện nay đã góp phần để doanh nghiệp dần tạo chỗ đứng, khẳng định thương hiệu, uy tín cho các sản phẩm chủ lực của địa phương. Bên cạnh đó, đảm bảo thực hiện đúng quy định khi nhập khẩu để phòng chống các nguy cơ gây thiệt hại đối với thực vật tại Việt Nam.

Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (năm 2013) và các văn bản hướng dẫn quy định các sản phẩm xuất, nhập khẩu là thực vật, các sản phẩm của cây (củ, quả, hoa, lá,...) thuộc đối tượng



Hoạt động nghiệp vụ tại Chi cục Hải quan Đà Lạt

kiểm dịch phải thực hiện các thủ tục đăng ký kiểm dịch, nộp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan để làm thủ tục thông quan hàng hóa theo quy định.

Tuy nhiên, do chưa có sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013 với Luật Hải quan năm 2001, đồng thời các văn bản hướng dẫn việc nộp các chứng từ liên quan đến kiểm dịch thực vật khi xuất, nhập khẩu mặt hàng nông sản chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn đến quá trình thực hiện của cơ quan hải quan và doanh nghiệp còn khó khăn, lúng túng, kéo dài thời gian thông quan hàng hóa. Bên cạnh đó, nhiều lô hàng sau khi lấy mẫu và tiến hành kiểm dịch tại Chi cục Bảo vệ Thực vật vùng II - Tp. Hồ Chí Minh không đáp ứng yêu cầu xuất khẩu phải vận chuyển trở lại Lâm Đồng để

xử lý hoặc thay thế bằng các lô hàng khác, làm tăng chi phí cho doanh nghiệp.

Mặt khác, một số doanh nghiệp chưa tuân thủ đầy đủ các quy trình theo dõi, xử lý dịch bệnh trong quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu, dẫn đến một số lô hàng bị trả lại do không đáp ứng yêu cầu. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín của mặt hàng nông sản xuất khẩu trên địa bàn nếu tình trạng này xảy ra thường xuyên, kéo dài mà không có biện pháp khắc phục.

Một số giải pháp

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất, nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa



Hướng dẫn thủ tục hải quan tại Công ty TNHH Apolo, huyện Đơn Dương

xuất, nhập khẩu. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/4/2015; nêu rõ doanh nghiệp chỉ nộp Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định của pháp luật để thông quan lô hàng xuất, nhập khẩu. Thông tư cũng quy định nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý chuyên ngành (Cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Kiểm dịch các vùng) phải gửi Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia; người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

Để góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng nông sản trên địa bàn, đồng thời hạn chế tình trạng hàng hóa bị trả lại do không đáp ứng yêu cầu kiểm dịch của nước nhập khẩu, cần triển khai một số giải pháp sau:

Đối với cơ quan kiểm dịch thực vật:

Hiện nay, trên địa bàn huyện Đức Trọng đã thành lập Trạm kiểm dịch thực vật trực thuộc Chi cục Bảo vệ Thực vật vùng II. Bước đầu Trạm thực hiện nhiệm vụ lấy mẫu mặt hàng xuất khẩu, lập biên bản, xác nhận kết quả và gửi Chi cục Bảo vệ Thực vật Vùng II - Tp. Hồ Chí Minh để cấp Giấy chứng nhận

kiểm dịch. Vì vậy quá trình đăng ký cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thường kéo dài, tăng thời gian và chi phí của doanh nghiệp. Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới, cần tăng cường nguồn lực, cơ sở vật chất để Trạm có khả năng thực hiện việc đăng ký, kiểm tra mẫu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tại chỗ đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu trên địa bàn tỉnh; qua đó tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi xuất, nhập khẩu, đồng thời đảm bảo yêu cầu quản lý tại nơi sản xuất, kịp thời xử lý đối với các lô hàng không đảm bảo yêu cầu.

Đối với cơ quan bảo vệ thực vật:

- Phối hợp với Trạm Kiểm dịch thực vật tại huyện Đức Trọng nhằm theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh đối với các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý nhà nước trong công tác thanh, kiểm tra đối với hoạt động bảo vệ, kiểm dịch thực vật, xử lý kịp thời các trường hợp không tuân thủ đúng quy định của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

Đối với cơ quan hải quan:

- Thực hiện đúng các quy định, quy trình về thông quan hàng hóa, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu đối với các mặt hàng nông sản trên địa bàn. Tăng cường phổ biến Luật Hải quan (năm 2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành tới các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan kiểm dịch thực vật dừng thông quan, không cho xuất khẩu đối với các lô hàng không đảm bảo yêu cầu.

- Xử lý theo quy định đối với các lô hàng nông sản nhập khẩu không đáp ứng tiêu chuẩn về kiểm dịch thực vật.

Đối với doanh nghiệp:

- Cần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong công tác bảo vệ thực vật để kịp thời xử lý dịch bệnh phát sinh.

- Thực hiện đầy đủ quy định về kiểm dịch thực vật, không xuất khẩu các lô hàng không đảm bảo tiêu chuẩn kiểm dịch nhằm bảo vệ lợi ích của chính doanh nghiệp và ngành hàng sản xuất trên địa bàn.

- Các doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ trong việc sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn thống nhất nhằm xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng theo nhu cầu của thị trường xuất khẩu.

*

Trên cơ sở định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng đến xây dựng thành phố Đà Lạt là thủ phủ của khu vực Đông Nam Á về sản xuất rau, hoa chất lượng cao, đồng thời phát huy thế mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản của tỉnh, với sự quyết tâm, hỗ trợ của các cơ quan quản lý, sự gắn kết, đồng lòng của các doanh nghiệp, chắc chắn các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng sẽ ngày càng khẳng định được vị thế, thương hiệu của mình trên thị trường quốc tế và khu vực. ■

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH TRONG GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

TRƯƠNG VĂN ĐỨC

Ban Điều phối Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng

Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) dự kiến được thành lập vào cuối năm 2015, là khu vực kinh tế chung gồm 10 nước thành viên Hiệp hội quốc gia Đông Nam Á (gọi tắt là ASEAN). Ý tưởng hình thành AEC bắt đầu từ năm 2003 tại Bali, Indonesia với mục tiêu hình thành một thị trường chung của các nước thành viên có tính cạnh tranh cao. Khi AEC hình thành, các nước thành viên sẽ được tự do lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có kỹ năng.

Việc hình thành AEC với những thỏa thuận nội khối như trên sẽ mang lại nhiều cơ hội và lợi ích cho các quốc gia thành viên mà đối tượng chính là các doanh nghiệp, nhà đầu tư; nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc nhóm 4 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar.

Nhận thức được những thách thức trong tương lai khi AEC ngày càng đến gần, ngoài sự nỗ lực tự thân của các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016. Trong đó chủ trương chỉ đạo các cấp, ngành nhanh chóng cải cách thể chế, thay đổi phương thức quản lý, hình thành môi trường kinh doanh tiến bộ, minh bạch và hiệu quả, giúp cộng đồng doanh nghiệp thuận lợi trong gia nhập thị trường, giảm chi phí hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây là những yêu cầu cấp thiết nhằm tranh thủ hiệu quả các cơ hội và lợi ích của các cam kết hội nhập.

Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

Triển khai thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP, tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng Kế hoạch hành động số 1914/KH-UBND ngày 16/4/2015 đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2015-2016 nhằm mục tiêu thực hiện hiệu quả 3 đột phá chiến lược gắn với cơ cấu lại nền kinh tế,

đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phấn đấu cải thiện điểm số và vị trí xếp hạng về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Bảo đảm thị trường hàng hóa, lao động, chứng khoán, bất động sản, khoa học công nghệ... vận hành thông suốt và ngày càng trở thành yếu tố quyết định trong huy động và phân bổ các nguồn lực cho phát triển; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh và đời sống.

Trong năm 2015-2016, tỉnh Lâm Đồng xác định tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính; bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước. Cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh, về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ xuất, nhập khẩu phù hợp với thông lệ quốc tế, chuyển mạnh sang hậu kiểm.

Các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh của tỉnh năm 2015:

- Rút ngắn thời gian nộp thuế còn không quá 121,5 giờ/năm, thời gian nộp bảo hiểm xã hội không quá 49,5 giờ/năm; tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế điện tử đạt trên 95%; tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt tối thiểu 90%; xây dựng và công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm ít nhất 90% hoàn thuế theo đúng thời gian quy định.

- Đơn giản hóa quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất, nhập khẩu, thủ tục hải quan; giảm thời gian thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu cho doanh nghiệp.

- Thời gian thực hiện các thủ tục khởi sự kinh doanh tối đa 6 ngày.

- Thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp tối đa 36 ngày.

- Thời gian thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp tối đa 30 tháng (hiện nay là 60 tháng).

Năm 2016:

- Củng cố, duy trì kết quả đạt được trong khởi sự kinh doanh, bảo vệ nhà đầu tư, hải quan. Thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp tối đa 35 ngày. Thời gian nộp thuế và bảo hiểm bắt buộc không quá 168 giờ/năm.

- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng theo phương pháp xác định của Ngân hàng Thế giới, tối đa không quá 77 ngày (gồm cả thời gian lấy ý kiến của các cơ quan liên quan như chấp thuận đầu nối điện, nước, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, độ tĩnh không...).

- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản xuống còn không quá 14 ngày (hiện là 57 ngày).

- Đạt mức ASEAN-4 về cải cách hành chính thuế đối với 3 nhóm chỉ tiêu mới là: kiểm tra trước hoàn thuế; thực hiện quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế; thời gian và kết quả xử lý những khiếu nại về thuế.

- Quy định rõ danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kiểm dịch, kiểm tra phù hợp tiêu chuẩn, chất lượng trước khi thông quan theo hướng hàng hóa, dịch vụ tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa tuân thủ các tiêu chuẩn, phương thức phù hợp với các cam kết, thông lệ quốc tế.

- Đơn giản quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất, nhập khẩu, hải quan; thiết lập cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa hải quan và cơ quan quản lý nhà nước liên quan; giảm thời gian hoàn thành thủ tục xuất khẩu xuống còn dưới 10 ngày và thời gian nhập khẩu xuống còn dưới 12 ngày.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp dài hạn giai đoạn 2016-2020

Nhằm kiến tạo một môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp doanh nghiệp tận dụng và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, UBND tỉnh cũng đã ban hành Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp dài hạn trong các năm 2016-2020. Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình trên 620 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước trên 260 tỷ, còn lại huy động các nguồn khác.

Theo đó, trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Lâm Đồng chú trọng cải cách hành chính đồng bộ trong hệ thống cơ quan công quyền, nâng cao năng lực thực thi công vụ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của trung ương, địa phương và các tổ chức khác hỗ trợ doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển



Nhân dân và doanh nghiệp thực hiện giao dịch tại Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng

bền vững; quy hoạch quỹ đất dành cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV, sửa đổi quy định cho vay vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển, đảm bảo cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận được nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới dây chuyền công nghệ. Hoàn thiện các chính sách thu hút đầu tư ở địa phương, thực hiện ưu đãi theo hướng tạo điều kiện cho doanh nghiệp hình thành và phát triển để nuôi dưỡng nguồn thu lâu dài.

Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh giai đoạn 2016-2020 tập trung vào các lĩnh vực:

Khoa học và công nghệ: hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đổi mới thiết bị, tổ chức thí nghiệm các sản phẩm mới; xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, xác lập quyền sở hữu công nghiệp; đăng ký sáng kiến và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản của địa phương.

Khuyến công: hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, áp dụng các quy trình và công nghệ sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công



Công ty Hà Gia Phát (KCN Phú Hội) cải tiến máy móc từ kinh phí khuyến công

ng nghiệp nông thôn. Hỗ trợ đầu tư mở rộng sản xuất, xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn. Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp...

Khuyến nông: hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn và phổ biến, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp; tư vấn chuyển giao các kết quả ứng dụng khoa học công nghệ, khảo nghiệm từ các mô hình trình diễn; tăng cường hợp tác với các viện, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ thông tin, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các mô hình canh tác mới...

Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch: hỗ trợ quảng bá đầu tư, thương mại và du lịch; xuất bản các ấn phẩm và phát hành miễn phí phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư, du lịch và thương mại, kết nối giao thương; hỗ trợ thông tin và hướng dẫn thủ tục hợp tác đầu tư, triển lãm sản phẩm, kêu gọi đầu tư; tổ chức hội nghị, hội chợ, triển lãm, hội thảo giúp các doanh nghiệp hợp tác, ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, tiêu thụ sản phẩm; kết nối các hãng lữ hành, các doanh nghiệp du lịch của tỉnh với doanh nghiệp du lịch trong và ngoài nước; triển khai các hoạt động kết nối giao thương...

Xây dựng thương hiệu sản phẩm/doanh nghiệp:

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm hướng tới sản xuất - kinh doanh bền vững, mở rộng thị trường tiêu thụ và phân phối sản phẩm; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, tập huấn về xây dựng, quảng bá thương hiệu; hỗ trợ tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp hoặc sản phẩm.

Thông qua các Hiệp hội doanh nghiệp, hàng năm, các cơ quan chức năng của tỉnh sẽ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo... nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành, kỹ năng tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh cho cán bộ lãnh đạo và quản lý của doanh nghiệp; cung cấp thông tin về kinh tế, kinh doanh, tài chính, tín dụng, thị trường, hội nhập quốc tế, các chính sách thuế, hải quan, các hiệp định thương mại... Ngoài ra, để hỗ trợ các doanh nghiệp có đội ngũ công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển, tỉnh Lâm Đồng còn xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và các hợp tác xã đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn.

Mục tiêu tăng trưởng khu vực doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 của tỉnh

- Doanh nghiệp thành lập mới: tăng bình quân khoảng 20%/năm;
- Vốn đăng ký kinh doanh: tăng bình quân từ 10-12%/năm;
- Đóng góp vào ngân sách: tăng bình quân từ 15-20%/năm;
- Giải quyết việc làm: khoảng 25.000-30.000 lao động/năm.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu: tăng bình quân 20%/năm.
- Số DNNVV được hưởng lợi từ các chính sách, chương trình trợ giúp tài chính thông qua các Quỹ hỗ trợ của địa phương: khoảng 300 doanh nghiệp/năm.
- Số DNNVV được hưởng lợi từ các chính sách, chương trình trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực: khoảng 1.000 doanh nghiệp/năm.
- Số DNNVV tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư, du lịch và thương mại: khoảng 350 doanh nghiệp/năm.
- Số DNNVV được hưởng lợi từ các chương trình đổi mới khoa học công nghệ: khoảng 80 doanh nghiệp/năm.



Bên cạnh đó, tỉnh Lâm Đồng còn tổ chức các đợt khảo sát, ghi nhận những kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp để kịp thời giải quyết; tổ chức hội nghị đối thoại cấp tỉnh giữa nhà nước và doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tháo gỡ vướng mắc và giải đáp các vấn đề doanh nghiệp quan tâm. Ngoài ra, các sở, ngành chức năng còn thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại với doanh nghiệp theo chuyên ngành quản lý.

Với sự đồng hành của nhà nước và sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, hy vọng các doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng sẽ từng bước thích nghi và tận dụng được nhiều cơ hội để phát triển khi Cộng đồng kinh tế ASEAN hình thành vào cuối năm 2015. ■

NGÀNH THUẾ LÂM ĐỒNG ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

NGUYỄN TRỌNG THOAN

Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lâm Đồng

Tiến trình cải cách hệ thống thuế đang được ngành Thuế cả nước nói chung và Cục Thuế Lâm Đồng nói riêng triển khai đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội; trong đó công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thực hiện chính sách, pháp luật về thuế, quản lý thu, nộp thuế đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, từng bước cung cấp dịch vụ công đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân và doanh nghiệp.

Về cải cách hành chính

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính và UBND tỉnh Lâm Đồng, Cục Thuế đã xây dựng kế hoạch cải cách hành chính với các nội dung chủ yếu sau:

Cải cách thể chế

- Cơ quan thuế cấp tỉnh, huyện, thành phố đã tăng cường triển khai kịp thời các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật trong lĩnh vực thuế như Luật số 71/2014/QH13 (sửa đổi 5 Luật về thuế), Nghị định số 91/2014/NĐ-CP (sửa đổi 4 Nghị định về thuế), Thông tư 119/2014/TT-BTC (sửa đổi 7 Thông tư về thuế); các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Chính phủ và của tỉnh.

- Phối hợp với các ngành rà soát các đề án, văn bản quy định của địa phương theo chính sách, pháp luật thuế sửa đổi, bổ sung. Kết quả đã tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung đề án Đổi mới quản lý thu ngân sách giai đoạn 2011-2015 và 6 đề án Đổi mới quản lý thuế các lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, trà, cà phê, rau - hoa, vận tải, dịch vụ lưu trú du lịch và ăn uống.

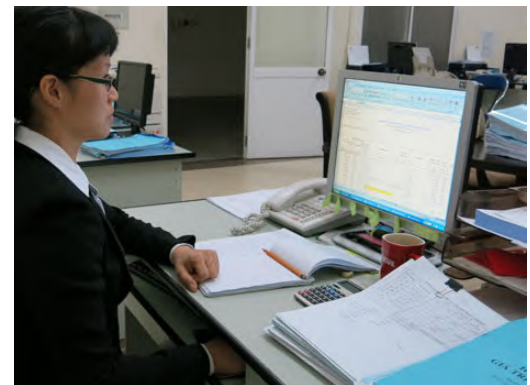
Trong thời gian tới, Cục Thuế sẽ tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành các đề án về quản lý thu thuế chuyển nhượng bất động sản, dự án và vốn; điều chỉnh các văn bản quy định về thuế, phí, lệ phí đất đai và nhà ở tại địa phương.

Cải cách thủ tục hành chính thuế

Các thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuế theo cơ chế “một cửa” đã được công khai niêm yết tại cơ quan thuế và Trang thông tin điện tử ngành thuế.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, nhiều thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa, điều chỉnh, sửa đổi như: bỏ một số chỉ tiêu trên tờ khai thuế giá trị gia tăng; bỏ quy định doanh nghiệp phải kê khai các hóa đơn không được khấu trừ thuế hoặc các hóa đơn không phục vụ cho mục tiêu tính thuế; nâng mức doanh thu khai thuế giá trị gia tăng theo quý từ dưới 20 tỷ đồng/năm lên 50 tỷ đồng/năm; sửa đổi mẫu Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, bỏ quy định người nộp thuế phải ghi mục lục ngân sách trên Giấy nộp tiền; bỏ quy định khai tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý, chỉ còn tạm nộp thuế theo quý và kê khai quyết toán năm...

Qua đó, số lượng hồ sơ, tần suất kê khai cũng như tổng thời



Kê khai thuế trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí

gian thực hiện thủ tục khai nộp thuế đã giảm mạnh. Theo Tổng cục Thuế, thông qua việc rà soát, hệ thống hóa danh mục 421 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, triển khai mở rộng dịch vụ khai thuế qua internet và nộp thuế điện tử, số giờ kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp năm 2014 đã giảm khoảng 370 giờ. Trong thời gian tới, ngành Thuế sẽ tiếp tục giảm khoảng 45,5 giờ nhằm đạt mục tiêu 121,5 giờ/năm vào cuối năm 2015.

Tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

- Cục Thuế đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu nhân lực phù hợp với nhiệm vụ quản lý theo hướng tăng tỷ lệ công chức làm công tác thanh, kiểm tra; cân đối lực lượng công chức làm việc ở bộ phận gián tiếp để đảm bảo hiệu quả công tác quản lý trong điều kiện người dân và doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế.

- Chú trọng nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức; đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo từng chức năng quản lý thuế; thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật thuế.

- Xây dựng, ban hành, chỉnh sửa các Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế tiếp công dân; góp ý xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy trình quản lý thuế của Tổng cục Thuế. Ngoài ra, Cục Thuế còn xây dựng nhiều quy chế phối hợp với các ngành liên quan như Quy chế phối hợp trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh; Quy chế phối hợp công tác giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh và Cục Thuế tỉnh; Quy chế trao đổi thông tin và phối hợp công tác giữa cơ quan Hải quan và cơ quan Thuế,...

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế

Triển khai thực hiện Chỉ thị 03/CT-BTC của Bộ Tài chính, Cục Thuế đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong ngành, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; chấn chỉnh lề lối, tác phong ứng xử của cán bộ, công chức, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, ngành Thuế đã chú trọng tăng cường công tác thông tin tuyên

truyền, hỗ trợ người nộp thuế hiểu và thực hiện đúng pháp luật thuế. Duy trì tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận thông tin phản hồi của người nộp thuế thông qua hòm thư góp ý, các đường dây nóng; tổ chức “*Tuần lễ Lắng nghe ý kiến người nộp thuế*”.

Việc đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế và trách nhiệm người đứng đầu theo đề án của Tổng cục Thuế là một phương thức nhằm đánh giá cơ quan thuế các cấp, góp phần quan trọng trong việc thực hiện các kế hoạch cải cách hành chính, cải cách hệ thống thuế và đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Cục Thuế đã thường xuyên tổ chức đối thoại, khảo sát ý kiến người nộp thuế. Qua các lần khảo sát, tỷ lệ hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp về công tác hỗ trợ, thái độ phục vụ của cơ quan thuế và cán bộ công chức thuế đạt 90-93%.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu, nộp thuế

Xác định việc ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những mục tiêu quan trọng, đột phá, mang tính quyết định trong lộ trình chiến lược cải cách hiện đại hóa toàn hệ thống ngành thuế, nhiều năm qua, Cục Thuế đã triển khai hoạt động quản lý thu, nộp thuế, công khai hóa các thủ tục hành chính trên mạng internet, thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương thức khoán, văn

bản hỏi của người nộp thuế và trả lời của cơ quan thuế trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế, Tổng cục Thuế. Qua đó doanh nghiệp có thể dễ dàng tra cứu các văn bản pháp quy, các chính sách, pháp luật thuế mới, góp

phần tăng cường công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, nâng cao tính tuân thủ pháp luật, tránh sai sót trong quá trình kê khai, báo cáo thuế. Đồng thời giúp cơ quan thuế nâng cao chất lượng phục vụ, giảm nhân lực trong công tác quản lý, tạo môi trường giao dịch văn minh, hiện đại, đảm bảo chất lượng.

Việc triển khai miễn phí phần mềm hỗ trợ kê khai thuế đã giúp doanh nghiệp kê khai theo đúng quy định, cập nhật kịp thời những thay đổi về chính sách, giảm các lỗi số học, tiết kiệm thời gian, cung cấp số liệu đầy đủ, chi tiết cho việc báo cáo thuế...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp Cục Thuế quản lý hơn 5 ngàn mã số thuế doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và trên 400 ngàn mã số thuế của cá nhân kinh doanh và nộp thuế thu nhập cá nhân; hỗ trợ người nộp thuế đăng ký và nhận mã số thuế thu nhập cá nhân qua mạng Internet...

Từ năm 2010, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp thực hiện dự án “*Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng tích hợp đăng ký kinh doanh với đăng ký thuế*” nhằm tạo sự kết nối, trao đổi thông tin qua mạng giữa hai cơ quan trên, hình thành việc đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế một cửa liên thông với các loại hình doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, hợp nhất Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, mã số doanh nghiệp và mã số thuế. Những đổi mới này được xem là bước đột phá cải cách thủ tục hành chính, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế (từ 20 ngày xuống còn 5 ngày); giảm đầu mối xử lý, hồ sơ giấy tờ trong đăng ký kinh doanh.

(Xem tiếp trang 11)



ỨNG DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

PHẠM THỊ MINH HIỀN

Sở Thông tin và Truyền thông

Với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh, trong thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ cải cách hành chính hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử cấp tỉnh được triển khai khá hiệu quả. Theo Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Lâm Đồng được đánh giá ở mức khá, đứng thứ 10 (tăng 7 bậc so với năm 2012); Báo cáo chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT - truyền thông năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội Tin học Việt Nam, Lâm Đồng đứng thứ 15 (tăng 4 bậc so với năm 2013).

Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến tại Lâm Đồng

Hiện nay, Lâm Đồng đã cung cấp 1.197 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2; 7 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; triển khai đăng ký khai báo hải quan từ xa và kê khai thuế trực tuyến (năm 2014 có 1.582 doanh nghiệp đăng ký kê khai thuế qua môi trường mạng, chiếm 67,8%).

Đến nay, toàn bộ các cơ quan hành chính cấp tỉnh, sở, ban, ngành và cấp huyện đã ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử trong công việc; một số huyện đã triển khai đến cấp xã. Sở Thông tin Truyền thông tỉnh đã cung cấp 5.200 tài khoản hộp thư công vụ cho cán bộ công chức viên chức của tỉnh và hệ thống thư điện tử này theo đánh giá đang được sử dụng rất hiệu quả.

Tuy nhiên, việc ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế (xếp thứ 47/63 tỉnh, thành). Hiệu quả mang lại của các dịch vụ công trực tuyến chưa cao: số lượng hồ sơ của các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 còn thấp; dịch vụ đăng ký kê khai thuế trực tuyến mới được triển khai tại Cục Thuế Lâm Đồng và Chi cục Thuế Đà Lạt. Theo xếp hạng *Chỉ số thương mại điện tử năm 2013* của Bộ Công thương, Lâm Đồng xếp thứ 37 về *Chỉ số giao dịch giữa cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp*; xếp thứ 24 về *Chỉ số mức độ ứng dụng CNTT trong nội bộ các doanh nghiệp trên địa bàn* trong tổng số 47 địa phương được xếp hạng.

Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 quy định: “*Dịch vụ công trực tuyến là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng*”.

Dịch vụ công trực tuyến là một trong những ứng dụng CNTT quan trọng phục vụ người dân và doanh nghiệp; là một kênh giao dịch quan trọng giữa Chính phủ với doanh nghiệp - G2B trong xây dựng Chính phủ điện tử.



Người dân đến giao dịch tại bộ phận một cửa điện tử phường 1, Tp. Đà Lạt

Việc ứng dụng CNTT tương đối thấp tại các doanh nghiệp trên địa bàn do một số nguyên nhân sau:

- Nhiều doanh nghiệp không biết hoặc chưa quan tâm đến các dịch vụ công trực tuyến do các cơ quan nhà nước cung cấp.
- Thói quen sử dụng văn bản giấy; trình độ, điều kiện ứng dụng CNTT của doanh nghiệp còn hạn chế.
- Số lượng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 còn ít, chất lượng chưa đạt yêu cầu.
- Tâm lý về mất an toàn thông tin khi khai thác dịch vụ công trực tuyến.

Một số giải pháp thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại Lâm Đồng

Để đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

- *Giải pháp ban hành, thực hiện cơ chế chính sách*

Sở Thông tin và Truyền thông cần tiếp tục tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành những văn bản pháp quy chuyên ngành, đồng thời chú trọng công tác đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, hướng tới xây dựng thành công Chính phủ điện tử cấp tỉnh.

- *Xây dựng trung tâm dịch vụ hành chính công*

Hiện nay, các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh do các cơ quan chuyên ngành quản lý. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân còn hạn chế; người dân phải tự liên hệ với nhiều đầu mối để khai thác các dịch vụ công khác nhau. Một số địa phương như Quảng Ninh, Đà Nẵng đã xây dựng thành công mô hình Trung tâm dịch vụ hành chính công - được xem là đầu mối cung cấp và hỗ trợ doanh nghiệp khai thác dịch vụ công. Trong thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng nên học hỏi kinh nghiệm các địa

phương trên trong việc xây dựng Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh.

- *Giải pháp tuyên truyền, đào tạo, tập huấn*

+ Đối với các cơ quan nhà nước:

Tăng cường công tác tuyên truyền về Chính phủ điện tử nói chung và dịch vụ công nói riêng đến người dân và doanh nghiệp;

Thường xuyên đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức trong việc khai thác, vận hành các ứng dụng CNTT, dịch vụ công trực tuyến;

Đa dạng các kênh giao tiếp, hỗ trợ giúp người dân và doanh nghiệp lựa chọn dịch vụ công phù hợp;

Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến;

Tổ chức các lớp tập huấn khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp;

Hỗ trợ tận tình cho người dân và doanh nghiệp khi khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Đối với doanh nghiệp: cần tích cực tham gia các lớp tập huấn về ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp; thay đổi thói quen sử dụng văn bản giấy sang văn bản điện tử; đầu tư trang thiết bị, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng CNTT tại doanh nghiệp. ■

NGÀNH THUẾ LÂM ĐỒNG ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH...

(Tiếp theo trang 9)

Năm 2011, Cục Thuế đã triển khai ứng dụng nộp hồ sơ khai thuế qua mạng (iHTKK), được xem là bước đột phá trong công tác cải cách và hiện đại hóa, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công cho người nộp thuế. Qua đó giúp doanh nghiệp và cơ quan thuế giảm thời gian, áp lực khi lập và gửi, nhận hồ sơ khai thuế, nhất là trong các thời điểm kê khai hàng tháng, hàng quý; tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp do không phải in tờ khai và xếp hàng chờ nộp tờ khai. Hơn nữa, việc ứng dụng khai thuế qua mạng không bị giới hạn về không gian và thời gian, người nộp thuế có thể gửi hồ sơ khai thuế 24/24 giờ và 7 ngày trong tuần; chủ doanh nghiệp có thể ký tờ khai bằng chữ ký số ở bất kỳ nơi nào trong và ngoài nước. Tính đến 31/3/2015, trên 90% doanh nghiệp của tỉnh (khoảng 4.000 doanh nghiệp) đã thực hiện khai thuế qua mạng.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thu, nộp thuế, năm 2015,

ngành Thuế Lâm Đồng tổ chức triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử trong toàn tỉnh. Phấn đấu đến cuối năm 2015, trên 90% doanh nghiệp của tỉnh thực hiện nộp thuế điện tử. Theo đó, việc nộp thuế vào ngân sách nhà nước được thực hiện ngay tại cơ quan, đơn vị mà không cần trực tiếp đến ngân hàng hay kho bạc; đồng thời cơ quan thuế có thể tổng hợp được số thuế phải nộp, đã nộp, còn nợ hàng ngày, giúp giảm thời gian và nhân lực xử lý công việc.

Việc đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu người dân và doanh nghiệp của ngành Thuế Lâm Đồng trong thời gian qua đã được Tổng cục Thuế đánh giá cao, nhận được sự đồng tình của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong tỉnh, góp phần quan trọng trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách hàng năm, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. ■

ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THEO TIÊU CHUẨN ISO 22000:2005 TẠI CÔNG TY TNHH QUẢNG THÁI

NGUYỄN MINH TUẤN
Công ty TNHH Quảng Thái

Công ty TNHH Quảng Thái được thành lập từ năm 2001 với chức năng chính là: kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, hàng công nghệ, thực phẩm, đặc sản; sản xuất, chế biến sản phẩm atisô, trà, cà phê... và các hoạt động dịch vụ. Ngoài trụ sở chính tại Tp. Đà Lạt với 01 nhà máy sản xuất chế biến trà và đặc sản, Công ty còn có các chi nhánh tại huyện Đức Trọng, Di Linh, Tp. Bảo Lộc, Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng doanh thu của công ty tăng đều từ 10-12%/năm. Công ty hiện có gần 180 lao động với mức lương bình quân khoảng 5 triệu đồng/người/tháng. Mạng lưới kinh doanh của Công ty bao gồm gần 20 cửa hàng và điểm bán lẻ tại các điểm du lịch trong Tp. Đà Lạt và các siêu thị ở Tp. Hồ Chí Minh.

Để đạt được những thành công trên, ngoài sự nỗ lực không ngừng của tập thể người lao động, sự định hướng đúng đắn của lãnh đạo Công ty, còn là kết quả của việc xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng, quản lý an toàn thực phẩm, thể hiện cụ thể như sau:

Trước hết đó là sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tư duy của lãnh đạo và toàn thể đội ngũ nhân viên về phương pháp làm việc, quản lý khoa học, nâng cao năng suất lao động...

Chú trọng việc nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định uy tín và thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo niềm tin cho khách hàng, người tiêu dùng.

Cải tiến quá trình sản xuất, điều kiện môi trường, tiết kiệm chi phí xử lý sản phẩm hư hỏng và phải thu hồi.

Một số kinh nghiệm triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000:2005

Trong quá trình triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, Công ty TNHH Quảng Thái đã rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty phải có năng lực, nhiệt tình trong việc học tập, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn vào hoạt động sản xuất, kinh



Sản phẩm Atisô của Công ty TNHH Quảng Thái

doanh. Ban giám đốc phải quyết tâm trong việc áp dụng tiêu chuẩn và cam kết thực hiện, từ đó triển khai đến các phòng, ban đơn vị. Người lao động cần thay đổi cách nghĩ, cách làm khi chuyển sang làm việc theo phong cách khoa học, chịu sự kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt hơn.

- Phải có sự quan tâm, hướng dẫn trực tiếp của các đơn vị tư vấn trong việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng.

- Công ty cần phải mạnh dạn đầu tư kinh phí để cải tạo nhà xưởng, trang bị máy móc đảm bảo phù hợp với yêu cầu sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, Công ty đã lựa chọn các chỉ tiêu phù hợp đối với từng công đoạn và sản phẩm, tránh tình trạng triển khai áp dụng trong thực tế không hợp lý, phải xây dựng lại.

- Toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt, duy trì việc áp dụng thường xuyên, liên tục các tiêu chuẩn đã được xây dựng và công bố chất lượng sản phẩm.

- Có chính sách khen thưởng, kỷ luật xứng đáng đối với toàn thể nhân viên trong quá trình sản xuất, thực hiện các tiêu chuẩn và nội quy.

- Tìm hiểu, nghiên cứu, xác định đơn vị cung cấp nguồn nguyên liệu đảm bảo yêu cầu theo tiêu chuẩn và phù hợp về giá thành.

- Tham khảo, lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ, tư vấn, đánh giá phù hợp. ■

ATISO ĐÀ LẠT LÂM VIÊN

ĐỒNG HÀNH CÙNG SỨC KHỎE NGƯỜI TIÊU DÙNG

Công ty TNHH Atiso Đà Lạt Lâm Viên

Trong vài năm trở lại đây, nhu cầu về các loại dược liệu, thực phẩm tốt để nâng cao sức khỏe được nhiều người quan tâm, đặc biệt là những loại có tính năng cải thiện chức năng gan. Trong số đó, cây Atiso là lựa chọn thông minh vì có các chức năng như giải độc gan, làm mát gan, chữa được một số chứng bệnh liên quan đến gan.

Nắm bắt xu hướng trên, Công ty TNHH Atiso Đà Lạt Lâm Viên (ADL) đã cố gắng nỗ lực với mong muốn mang đến những giải pháp tối ưu để chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Công ty ADL đã chọn xã Ka Đơn - huyện Đơn Dương để xây dựng nhà máy và phát triển vùng nguyên liệu do những lợi thế cạnh tranh so với các vùng Atiso truyền thống khác trên cả nước như Sapa, Tam Đảo, Đà Lạt, Lạc Dương (địa hình bằng phẳng, độ dốc thấp thuận tiện cho việc cơ giới hóa nông nghiệp, khí hậu ôn hòa, mát mẻ quanh năm, đất đai màu mỡ, phì nhiêu, nguồn nước sạch không nhiễm phèn, nhiễm mặn, hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất phát triển...) Nhà máy có diện tích 6.400 m² được trang bị máy móc và công nghệ chế biến tiên tiến đạt công suất 5.000 tấn nguyên liệu/năm, đảm bảo cung cấp các sản phẩm thực phẩm an toàn, chất lượng.

Năm 2014, Công ty ADL đã trồng 12 ha Atiso phục vụ sản xuất và cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến trà trên địa bàn và các tỉnh lân cận. Trong năm 2015, Công ty ADL tiếp tục phát triển thêm 5 ha Atiso theo hướng nông nghiệp

hữu cơ (Organic) và 15 ha Atiso theo phương pháp canh tác thông thường.

Để nâng cao năng suất, Công ty ADL chọn phát triển các giống Atiso mới phù hợp theo yêu cầu sản xuất. Với dòng sản phẩm cao tiêu dùng và cao nguyên liệu, Công ty sử dụng giống nhập khẩu chứa hàm lượng Cynarine cao như *Cynara cardunculus*. Kết quả phân tích hàm lượng Cynarine trong lá tươi của giống *Cynara cardunculus* do Viện Nghiên cứu hạt nhân kiểm nghiệm đạt tới 4,1 (hiện tại, cao nhất tại Lâm Đồng). Đối với dòng sản phẩm hoa tươi, cộng tươi chế biến chất lượng cao, Công ty ADL nhập khẩu hạt giống từ Mỹ, Pháp như giống *Cynara scolymus* (gồm các chủng Green Globe, Imperial Star, Violet, Emerald) để tạo ra những sản phẩm tốt nhất...

Khác với việc nhân giống tại các vườn ươm trên địa bàn sử dụng giá thể trộn từ nguồn nguyên liệu truyền thống như đất, mùn, xơ dừa, phân bón..., Công ty ADL ươm giống bằng viên nén đã khử nấm, vi sinh vật có hại, có khả năng giữ ẩm tốt, được xem là môi trường lý tưởng cho cây giống phát triển, đảm bảo tỷ lệ nảy mầm, sạch bệnh và sống sót cao.

Công ty ADL còn đầu tư hệ thống nhà kính che phủ, chắn gió và côn trùng gây hại, sử dụng kỹ thuật cách ly cây trồng với cỏ dại, sâu bệnh hại lây lan từ mặt đất và dùng các chế phẩm sinh học, hữu cơ đảm bảo đầy đủ dưỡng chất cho cây con phát triển, có khả năng kháng bệnh, chống chịu cao với môi trường.



Nhằm phát triển vùng nguyên liệu Atiso tại Đơn Dương, Công ty đã xây dựng chương trình liên kết hợp tác với các hộ nông dân. Bên cạnh việc hỗ trợ cây giống và phân bón, hàng tuần, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty đều trực tiếp đến kiểm tra, hướng dẫn nông dân canh tác, bón phân, giám sát quá trình ghi chép, theo dõi nhật ký đồng ruộng,... giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất sạch, an toàn, không nhiễm kim loại nặng và tồn dư thuốc bảo vệ thực vật.

Công ty ADL còn liên kết với các đối tác cung ứng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo dược, các chế phẩm sinh học cung cấp nguồn dinh dưỡng và điều trị bệnh cho cây trồng như Biocont, chế phẩm SEA, phân và dịch trùn quế đã qua xử lý...

Các sản phẩm của Công ty đều sử dụng nguồn nguyên liệu tự nhiên 100%, được chọn lọc kỹ và sơ chế sạch trước khi đưa vào sản xuất nhằm loại bỏ các vi sinh vật có hại và khử dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Đối với sản phẩm cao Atiso, sau quá trình sơ chế sạch, lá tươi Atiso nguyên liệu được đưa vào trích ly bằng hơi nước rồi cô đặc bằng công nghệ cô chân không ở nhiệt độ thấp. Đây là công nghệ cô đặc tiên tiến nhất hiện nay, được sử dụng chủ yếu trong các công ty sản xuất hàng đầu của ngành dược, giúp sản phẩm

(Xem tiếp trang 18)

TIN CẢNH BÁO CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

KUWAIT

Sản phẩm điều chỉnh: Cà rốt đông lạnh.

Thông báo số G/TBT/N/KWT/267.

Ngày 09 tháng 3 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này liên quan đến các yêu cầu cơ bản và tiêu chuẩn mô tả của cà rốt đông lạnh chuẩn bị cho tiêu thụ trực tiếp; ngoại trừ đóng gói lại, tạo hình dáng, bao gói và lưu trữ.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Để duy trì chất lượng của sản phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, an toàn thực phẩm và mối quan hệ kinh doanh của Hội đồng hợp tác các nước Ả Rập.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 06 tháng sau khi công bố chính thức.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Vụ Tiêu chuẩn và Đo lường.

Điện thoại: + (965) 25302630

Fax: + (965) 25302625

Email: enquiry@pai.gov.kw

Website: <http://www.pai.gov.kw>

ALBANIA

Sản phẩm điều chỉnh: Hạt giống củ cải.

Thông báo số G/TBT/N/ALB/70.

Ngày 17 tháng 3 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo quyết định này nhằm đạt được các mục tiêu: kiểm soát sản lượng kinh doanh hạt giống củ cải đã được chứng nhận, tăng cường việc sử dụng các hạt giống củ cải có chất lượng và theo tiêu chuẩn hiện hành.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Các hạt giống củ cải chỉ được bán trên thị trường khi đã được kiểm tra và chứng nhận phù hợp với các quy tắc của hạt giống.

Thời gian góp ý: 60 ngày sau khi ban thư ký WTO thông qua.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Tháng 11 năm 2015.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Bảo vệ người tiêu dùng.

Điện thoại: + (355) 42226255

Fax: + (355) 42247177

Email: unfo@dps.gov.al

Website: <http://www.dps.gov.al>

OMAN

Sản phẩm điều chỉnh: Nước ép trái cây và nectars.

Thông báo số G/TBT/N/OMN/202.

Ngày 07 tháng 4 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới các tiêu chuẩn chung cho nước trái cây và nectars. Các nội dung bắt buộc áp dụng bao gồm: thành phần, chất lượng, phụ gia thực phẩm, chất bảo quản, chất gây ô nhiễm, các yêu cầu về sức khỏe và ghi nhãn, các yêu cầu khác là tự nguyện.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Sức khỏe cho người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Sẽ được xác định sau khi kết thúc thời gian góp ý.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Cung cấp thực phẩm.

Điện thoại: + (968) 24817252

Fax: + (968) 24817040

Email: nepic@moci.gov.om

UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Nước uống có cồn.

Thông báo số G/TBT/N/UGA/469.

Ngày 18 tháng 3 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và kiểm tra khi sử dụng sản phẩm.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Yêu cầu chất lượng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người; ngăn ngừa các hành vi gian lận và bảo vệ người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Sau khi có công bố của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn của Uganda.

Điện thoại: + (256) 414505995

Fax: + (256) 414286123

Email: unbs@infocom.co.ug

Website: www.unbs.og.ug

ALBANIA

Sản phẩm điều chỉnh: Khoai tây giống.

Thông báo số G/TBT/N/ALB/69.

Ngày 06 tháng 3 năm 2015.

Mô tả nội dung: Hội đồng Bộ trưởng quyết định về các tiêu chí giống khoai tây được kinh doanh: phân loại giống, chất lượng, quy định đóng gói, ghi nhãn, thủ tục cấp giấy chứng nhận, mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Khoai tây giống chỉ được phép bán trên thị trường sau khi đã được chính thức kiểm tra và chứng nhận phù hợp với các quy tắc.

Thời gian góp ý: 60 ngày sau khi Ban thư ký WTO chuyển qua.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Ngày 16 tháng 5 năm 2015.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Nông nghiệp phát triển Nông thôn và Tài nguyên nước.

Điện thoại: + (355) 42226255

Fax: + (355) 42247177

Email: info@dps.gov.vn

Website: http://www.dps.gov.vn

UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Hạt giống ngô.

Thông báo số G/TBT/N/UGA/461.

Ngày 17 tháng 3 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này yêu cầu chứng nhận cho sản xuất hạt giống ngô, bao gồm: điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra thực địa, lấy mẫu hạt giống, kiểm tra phòng thí nghiệm, chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và kiểm soát sau kiểm tra.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Yêu cầu về chất lượng; Ngăn ngừa các hành vi gian lận và bảo vệ người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Sau khi có công bố của Bộ trưởng bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Uganda.

Điện thoại: + (256) 41505995

Fax: + (256) 41286123

Email: unbs@infocom.co.ug

Website: www.unbs.go.ug



DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HỖ TRỢ NĂM 2015

(Theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Số TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị đề xuất	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Hỗ trợ doanh nghiệp Lâm Đồng trong hoạt động sở hữu trí tuệ	Phòng QLCN & SHTT - Sở KH&CN	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc trưng của địa phương. - Nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một nhãn hiệu. - Tổ chức tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn. 	12 tháng
2	Phần mềm quản lý đoàn viên - thanh niên tỉnh Lâm Đồng	Tỉnh Đoàn Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, phát triển hệ thống phần mềm quản lý đoàn viên - thanh niên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. - Đào tạo kỹ thuật sử dụng phần mềm cho đội ngũ cán bộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, tổng hợp số liệu và nhu cầu quản lý đoàn viên - thanh niên tại Tỉnh Đoàn, các cụm đoàn, chi đoàn. - Thiết kế, xây dựng, nhập liệu cơ sở dữ liệu và triển khai hệ thống mẫu cho Tỉnh Đoàn và một số chi đoàn. - Hội thảo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm. 	12 tháng
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu - website phục vụ quản lý, điều hành và tuyên truyền tại Công đoàn Viên chức tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Công đoàn Viên chức - Trung tâm Tin học & Thông tin KHCN Lâm Đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng website nhằm tuyên truyền các hoạt động của Công đoàn Viên chức tỉnh Lâm Đồng; tích hợp chương trình, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành của Công đoàn Viên chức lên website. - Đào tạo kỹ thuật sử dụng hệ thống cho đội ngũ cán bộ tại các công đoàn cơ sở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, tổng hợp số liệu và nhu cầu quản lý, điều hành đoàn viên của Công đoàn Viên chức tỉnh. - Thiết kế, xây dựng, thu thập - nhập liệu cơ sở dữ liệu và triển khai hệ thống. - Xây dựng website, tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động điều hành, quản lý trên mạng internet. 	12 tháng
4	Khử mùi hôi tại Nhà máy xử lý nước thải Đà Lạt	Xí nghiệp Quản lý nước thải Đà Lạt	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý mùi phát sinh là một vấn đề phức tạp, phụ thuộc vào nhiều yếu tố (thành phần, lưu lượng, nồng độ). 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các phương pháp xử lý: - Thông gió tự nhiên; - Phương pháp sinh học; - Sử dụng hóa chất; - Sử dụng dung dịch Anolyte. 	6 tháng

CẢI TIẾN LIÊN TỤC KAIZEN

Cơ hội giúp doanh nghiệp phát triển và thành công

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Kaizen là một triết lý quan trọng nhất trong công tác quản lý kinh tế, là chìa khóa về sự cạnh tranh của Nhật Bản. Kaizen tiếng Nhật có nghĩa là cải tiến. Kaizen đã được triển khai tại Nhật Bản cách đây 50 năm. Toyota là công ty đầu tiên thực hiện, sau đó được áp dụng rộng rãi đến mọi công ty thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Hiện nay, hầu hết các công ty của Nhật đều thực hiện Kaizen. Kaizen đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều nước trên thế giới.

Doanh nghiệp Lâm Đồng chủ yếu có quy mô nhỏ, vốn đầu tư không cao, trang thiết bị và công nghệ lạc hậu, thủ công. Vì vậy, việc đầu tư cải tiến về công nghệ, trang thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng là rất khó. Từ những đặc điểm đó, nếu áp dụng phương pháp quản lý theo Kaizen sẽ là phù hợp với các doanh nghiệp trong tỉnh, do Kaizen chỉ là sự cải thiện nhỏ hàng ngày bằng cách tận dụng những tài nguyên sẵn có như nhân lực, vật tư, thiết bị mà không cần dùng nhiều tiền của.

Việc triển khai Kaizen tại doanh nghiệp

Ngay từ khi bắt đầu triển khai Kaizen, doanh nghiệp cần áp dụng công cụ 5S trước tiên vì nó là điểm cốt yếu trong các hoạt động về Kaizen. Không thực hiện 5S sẽ không thể tiến hành các hoạt động khác do kết quả của việc thực hiện 5S khá rõ ràng, nó tạo ra một phương thức làm việc mới: khoa học, hệ thống và hoàn thiện hơn. Môi trường

Kaizen không chỉ giới hạn trong ngành sản xuất mà có thể áp dụng được trong ngành dịch vụ, kinh doanh và thậm chí một khoá học bất kỳ nào đó. Kaizen là những cải tiến nhỏ thực hiện từng bước trong một thời gian dài. Kaizen ít tốn kém hơn là đầu tư mới. Kaizen giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng công việc, ghi nhận sự tham gia của nhà quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh những lợi ích hữu hình về kinh tế, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, Kaizen còn mang lại lợi ích vô hình như: lòng tự hào về doanh nghiệp, động lực phát huy sáng kiến, kỷ luật lao động cao, môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh giúp các thành viên của doanh nghiệp đoàn kết và gắn bó trong mái nhà chung.

sống, làm việc trở nên sạch sẽ, ngăn nắp hơn; tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho công việc được sắp xếp dễ thấy, dễ lấy, dễ tìm; điều kiện hỗ trợ luôn thuận tiện và sẵn sàng. Bởi vậy, hoạt động này rất hữu hiệu trong việc củng cố tinh thần của nhân viên và mở đầu cho việc áp dụng Kaizen trong toàn doanh nghiệp.

Ngoài ra còn có các chương trình và công cụ triển khai Kaizen khác như: đúng hạn (Just in time), hệ thống khuyến nghị Kaizen (KSS), nhóm chất lượng (Quality Control Circle - QCC), 7 công cụ thống kê trong quản lý chất lượng, loại trừ 7 loại lãng phí.

Các bước triển khai chung một chương trình Kaizen

Các bước thực hiện Kaizen giúp giải quyết vấn đề dựa trên

việc phân tích dữ liệu và ra quyết định một cách khoa học, gồm 8 bước:

Bước 1: Lựa chọn chủ đề

Thông thường chủ đề được xác định dựa trên các chính sách quản lý hoặc phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên, mức độ khẩn cấp, tầm quan trọng hoặc tính kinh tế của vấn đề.

Bước 2: Tìm hiểu tình trạng hiện tại và xác định mục tiêu

Trước khi bắt đầu dự án cần tìm hiểu và xem xét tình trạng hiện tại. Một trong các phương pháp thực hiện điều này đó là đến nơi sản xuất và thu thập dữ liệu.

Bước 3: Phân tích dữ liệu đã thu thập để phân tích nguyên nhân gốc rễ

Bước 4: Xác định biện pháp thực hiện dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu





Người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo

Bước 5: Thực hiện biện pháp

Bước 6: Xác nhận kết quả thực hiện biện pháp

Bước 7: Xây dựng hoặc sửa đổi tiêu chuẩn để phòng ngừa tái diễn

Bước 8: Xem xét các quá trình trên và xác định dự án tiếp theo.

Các khó khăn khi triển khai Kaizen tại doanh nghiệp

Nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về Kaizen chưa đúng và đầy đủ: có nơi, có lúc

còn nóng, vội vàng khi triển khai, mong muốn thành công nhanh trong thời gian ngắn; lãnh đạo chưa cam kết và hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, gây lãng phí về thời gian và tiền bạc, đồng thời đánh mất sự tin tưởng của nhân viên về cơ hội cải tiến tại nơi làm việc.

Bản chất của Kaizen là thực hiện từ những cái rất nhỏ nhưng liên tục với tính chất tăng dần để tạo ra hiệu quả lớn. Song thông thường, những cải tiến nhỏ lại ít được để ý đến, vì người ta cho rằng nó mang lại giá trị không cao.

Việc đào tạo cho nhân viên nhận thức nghiêm túc về Kaizen còn nhiều trở ngại. Một mặt là họ chưa nhận thức được hết lợi ích mà Kaizen mang lại, mặt khác là tâm lý ngại thay đổi, sợ thất bại của mỗi nhân viên.

Tâm lý của một số doanh nghiệp hiện nay cho rằng hệ thống của mình đang hoạt động rất tốt, sản phẩm được khách

hàng chấp nhận và quá trình kinh doanh vẫn theo xu hướng phát triển, vì vậy việc cải tiến là không cần thiết. Tuy nhiên trong thực tế mọi thứ luôn thay đổi, nếu không có những nỗ lực cải tiến liên tục thì doanh nghiệp sẽ trở nên lỗi thời và xuống cấp.

So với các phương pháp khác như Lean hay 6 Sigma, Kaizen có ưu thế hơn bởi tính đơn giản. Các doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng có thể áp dụng Kaizen thành công khi đã hiểu đúng và áp dụng triệt để triết lý này. Khi Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN, việc nhận thức đúng, đầy đủ và áp dụng triết lý Kaizen là một trong những giải pháp hiệu quả giúp doanh nghiệp ngày càng cải tiến liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, đồng thời nâng cao nhận thức và kỹ năng làm việc của nhân viên, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh. ■

ATISO ĐÀ LẠT LÂM VIÊN...

(Tiếp theo trang 13)

giữ được tối đa hàm lượng hoạt chất Cynarine có trong cây.

Các sản phẩm chính của Công ty ADL gồm:

+ Nguyên liệu Atiso thô:

Thân, rễ, hoa, lá Atiso được chọn lọc kỹ, sấy khô và đóng gói đảm bảo đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Cao Atiso nguyên liệu:

Sản phẩm cao được chiết xuất 100% nguyên chất từ lá Atiso tươi, sử dụng công nghệ trích ly hơi nước và cô chân không giúp giữ được hàm lượng hoạt chất cao có trong Atiso.

Cao Atiso nguyên liệu được dùng trong ngành dược, cung

cấp cho các công ty chế biến thực phẩm, sản xuất đồ uống, thực phẩm chức năng, có tác dụng hỗ trợ giải độc gan, mật.

+ Cao Atiso tiêu dùng:

Sản phẩm có tác dụng mát gan, thông mật, giải độc gan, kích thích tiêu hóa, nhờ vậy cũng giúp giải nhiệt, làm đẹp da, trị mụn trứng cá, nám da... Sản phẩm cao Atiso lá tươi (70 ml) sản xuất 100% nguyên chất từ lá tươi; được cung cấp trên thị trường theo thương hiệu Atilife. Hoa Atiso đóng hộp chế biến từ 100% tim hoa Atiso tươi với công nghệ chế biến đặc biệt giữ cho sản phẩm có hương vị đặc

trung và những dưỡng chất tốt nhất, là một món ăn bổ dưỡng cho gan, cung cấp nhiều vitamin (A, B1, B2, C,...) và khoáng chất (mangan, phospho, sắt...) tốt cho sức khỏe người tiêu dùng.

Với việc không ngừng đầu tư công nghệ sản xuất, chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và thương hiệu, cùng với chiến lược phát triển hợp lý, thương hiệu Atiso Đà Lạt Lâm Viên chắc chắn sẽ mang lại những sản phẩm chất lượng với giá thành phù hợp được người tiêu dùng tin tưởng. ■

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ NỘP THUẾ ĐIỆN TỬ QUA MẠNG

Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế
Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng

Nộp thuế điện tử là dịch vụ cho phép người nộp thuế (NNT) lập Giấy nộp tiền (GNT) vào Ngân sách Nhà nước trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thuế và được Ngân hàng thương mại xác nhận kết quả giao dịch nộp thuế tức thời.

Lợi ích đối với NNT

- Tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch; đơn giản thủ tục giấy tờ khi thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Nộp thuế tại bất cứ địa điểm nào có kết nối Internet.
- Nộp thuế 24/7, kể cả ngày nghỉ/lễ, được NHTM xác nhận kết quả giao dịch ngay khi gửi GNT.
- Có thể truy cập Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thuế để xem, in, tải các thông báo, GNT điện tử đã nộp.
- Được sử dụng các dịch vụ giá trị gia tăng khác của NHTM.

Điều kiện đăng ký nộp thuế điện tử

NNT tự nguyện đăng ký nộp thuế điện tử khi có đủ các điều kiện sau:

- Là tổ chức, doanh nghiệp được cấp mã số thuế/mã số doanh nghiệp và đang hoạt động.
- Có chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số (CKS) công cộng cấp và đang còn hiệu lực.
- Có kết nối Internet và địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định với Cơ quan thuế.
- Đang thực hiện khai thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thuế.
- Có tài khoản tại NHTM đã phối hợp với Tổng cục Thuế cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử.

Các bước Nộp thuế điện tử

Bước 1: NNT đăng nhập tài khoản và mật khẩu vào hệ thống gửi tờ khai của cơ quan thuế tại địa chỉ: <http://Nhantokhai.gdt.gov.vn>

Bước 2: Nhấn vào chỉ tiêu “Nộp thuế”. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình “Đăng ký nộp thuế điện tử”, người nộp thuế nhập thông tin đăng ký.

Bước 3: NNT kiểm tra các thông tin liên quan đến doanh nghiệp như mã số thuế, điện thoại, thư điện tử, thông tin về chứng thư số. NNT chỉ được sửa trực tiếp các chỉ tiêu “Điện thoại”, “Thư điện tử”.

- Mã số thuế: hệ thống tự động truy cập mã số thuế NNT đang dùng và không cho phép sửa.

- Điện thoại: số điện thoại của công ty, hoặc cá nhân trong công ty.

- Thư điện tử: địa chỉ email của doanh nghiệp theo định dạng quốc tế, ví dụ: *nguyenvanA@gmail.com.vn*

- Thông tin: “Số serial chứng thư số” và “Tổ chức cấp chứng thư số”. Hệ thống sẽ tự động lấy từ USB token của NNT và không được phép sửa.

- Ngân hàng: ngân hàng mà công ty muốn đăng ký dịch vụ nộp thuế điện tử.

- Số tài khoản: NNT điền số tài khoản ngân hàng.

Trường hợp NNT dùng chứng thư số cho dịch vụ nộp thuế điện tử khác với chứng thư số dùng cho dịch vụ khai thuế qua mạng, NNT đưa chứng thư số vào hệ thống, nhấn nút “*Nhập lại thông tin CKS*”:

Hệ thống thực hiện xác nhận việc thay đổi CKS.

Chọn “OK”, hệ thống yêu cầu nhập mã PIN của chứng thư số.

+ Nhập mã PIN, chọn “*Chấp nhận*”. Hệ thống thực hiện tải thông tin chứng thư số mới lên trường: “Số serial chứng thư số” và “Tổ chức cấp chứng thư số”.

Bước 4: Nhấn “Tiếp tục”

Hệ thống sẽ hiển thị màn hình “*Lập tờ khai đăng ký nộp thuế điện tử*”.

Sau khi kiểm tra lại toàn bộ các thông tin, NNT nhấn “*Ký điện tử*” để thực hiện ký điện tử lên tờ khai.

Hệ thống thực hiện ký điện tử và thông báo “*Ký điện tử thành công*”.

Bước 5: Nhấn “*Gửi đăng ký*”. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo gửi tờ khai đăng ký thành công và chờ xác nhận từ ngân hàng.

NNT đã hoàn tất quá trình đăng ký dịch vụ nộp thuế qua mạng.

Khi đăng ký thành công, NNT download bản đăng ký dịch vụ nộp thuế điện tử của ngân hàng mà NNT đã đăng ký, mang ra ngân hàng làm thủ tục. Khi đó ngân hàng sẽ cập nhật thông tin vào hệ thống. NNT sẽ nhận được thông báo của Tổng cục thuế, thông báo tài khoản và mật khẩu để thực hiện giao dịch. ■

Công nghệ mới - Sản phẩm mới

CHẾ PHẨM PROBIOTIC PROTMSWINE DÙNG TRONG CHĂN NUÔI LỢN

Các nhà khoa học thuộc Viện Chăn nuôi đã nghiên cứu sản xuất thành công chế phẩm probiotic đa chủng ProTMSwine dùng trong chăn nuôi lợn.



Chế phẩm ProTMSwine có thành phần chính gồm các vi sinh vật hữu ích (*Lactobacillus acidophyllus* 10⁸ Cfug, *Lactobacillus fermentum* 10⁸ Cfug, *Bacillus subtilis* 10⁸ Cfug, *Saccharomyces boulardii* 10⁸ Cfug), chất mang là cám gạo sấy vừa đủ và nước (đảm bảo độ ẩm tối đa 13%). Chế phẩm được sử dụng cho lợn từ sau cai sữa đến khi xuất chuồng, giúp khôi phục và cân bằng hệ vi sinh vật đường tiêu hóa, tăng sản xuất enzyme, tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn, giảm tỷ lệ mắc bệnh tiêu chảy, tăng sức đề kháng với bệnh đường ruột, tăng tốc độ sinh trưởng, giảm tiêu tốn thức ăn... Chế phẩm probiotic ProTMSwine đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật và đưa vào áp dụng từ tháng 2/2014.

Chi tiết xin liên hệ: TS. Trần Quốc Việt - Bộ môn Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi (Viện Chăn nuôi)

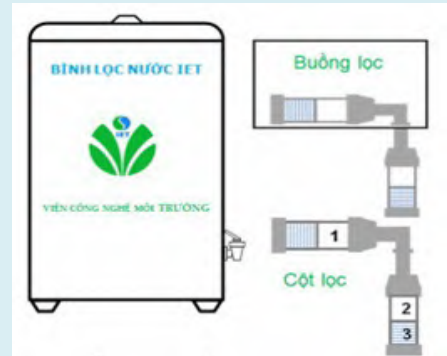
Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội;

ĐT: 04.38389267; Fax: 04.38389775;

Email: vietvcn@yahoo.com

BÌNH LỌC NƯỚC IET

Thông qua việc thực hiện dự án “Phát triển công nghệ chế tạo và triển khai ứng dụng vật liệu nano xử lý nước bị ô nhiễm trong vùng lũ, lụt thành nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình”, các nhà khoa học thuộc Viện Công nghệ Môi trường (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) đã nghiên cứu, chế tạo thành công bình lọc nước IET sử dụng vật liệu lọc nano bạc gắn lên silica biến tính có hoạt tính khử trùng cao, cho phép loại bỏ 100% các loại vi khuẩn, vi rus; các chất độc hữu cơ, kim loại nặng như sắt, chì, amoni... Nước đầu ra đạt tiêu chuẩn QCVN 02: 2009/BYT. Bình lọc có thể tích 30 lít, tốc độ lọc 2-3 lít/giờ, giá thành rẻ, nhỏ gọn, dễ sử dụng, không dùng điện, thích hợp cho người dân vùng lũ lụt.



Chi tiết xin liên hệ: Đào Trọng Hiền, Viện Công nghệ Môi trường, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Nhà A30, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội; ĐT: 04.37569136; 04.37911203

MÁY SẤY VÁN MỎNG LIÊN TỤC

Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp (Bộ Công Thương) đã nghiên cứu, chế tạo thành công máy sấy ván mỏng liên tục.

Máy sử dụng công nghệ phun nhiệt (phun xạ nhiệt) kết hợp với là phẳng bằng rulo. Máy có khả năng tự động điều chỉnh nhiệt độ trong phạm vi 60-100°C, tốc độ di chuyển của ván sấy từ 2-8 m/phút; năng suất sấy trung bình 3-3,5 m³/ca (8 giờ). Máy có thể sấy ván mỏng (ván bóc, ván lạng) của các loại gỗ: trám, bồ đề, keo, xoan đào, dẻ, sồi...

Đặc biệt, hệ thống cấp nhiệt dùng để sấy có thể sử dụng thiết bị hóa khí từ các phế phụ phẩm chế biến gỗ thay cho nhiên liệu than đá khi dùng nồi hơi.



Chi tiết xin liên hệ: Nguyễn Đình Tùng -

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp

Số 8, Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội; ĐT: 0989741728

BỘ ĐIỀU KHIỂN SỐ ĐA NĂNG SỬ DỤNG CHO ROBOT, MÁY CNC VÀ MÁY ĐÓNG GÓI TỰ ĐỘNG

Thông qua việc thực hiện đề tài “Nghiên cứu thiết kế chế tạo bộ điều khiển số đa năng sử dụng cho robot, máy CNC và các máy đóng gói tự động”, Công ty TNHH Chế tạo máy AKB đã thiết kế thành công bộ điều khiển số vạn năng (AKB Universal Controller - AUC) tích hợp các bộ lõi vào/ra và drive lõi ra trên nền tảng vi điều khiển công nghiệp 32 bit.

Bộ điều khiển có bàn điều khiển và chỉ thị (Keyboard/Display). AUC có khả năng ứng dụng cho robot 5 bậc tự do, máy đóng gói đứng, máy dán nhãn 2 mặt, máy chiết rót tự động, máy cắt kim loại CNC. Sản phẩm đáp ứng chất lượng, tính vạn năng và thuận tiện khi sử



Máy dán nhãn 2 mặt

dụng. Để tăng thêm tính năng của AUC, các tác giả đã nghiên cứu thêm cổng giao tiếp module RF dùng cho điều khiển từ xa. Sản phẩm có giá thấp hơn nhiều so với các thiết bị ngoại nhập tương đương; việc bảo dưỡng, sửa chữa dễ dàng và thuận lợi.

Chi tiết xin liên hệ: Công ty TNHH chế tạo máy AKB

Số 57, Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh; ĐT: 08.37851686

HỆ THỐNG HÀN ỐNG TỰ ĐỘNG

Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh đã nghiên cứu thiết kế, chế tạo thành công hệ thống hàn ống tự động. Hệ thống có kích thước 2.500 x 650 x 1.300 mm; đầu mỏ hàn có thể di chuyển theo phương x từ 0-1.000 mm, phương y từ 0-200 mm; đường kính ống hàn 20-200 mm. Tủ điều khiển được thiết kế linh hoạt, có thể xếp gọn khi không sử dụng và chống tác động từ bên ngoài vào các phần điện - điện tử để đảm bảo an toàn; panel điều khiển đơn giản, giúp vận hành dễ dàng; chân máy phù hợp với việc lắp đặt ở các địa hình khác nhau.

Sản phẩm đã được sử dụng tại Nhà máy A41 (Bộ Quốc phòng) cho chất lượng mối hàn



đồng đều, đạt yêu cầu kỹ thuật, được đánh giá có tiềm năng thương mại tốt.

Chi tiết xin liên hệ: TS. Nguyễn Thanh Phương, Khoa Cơ - điện - Điện tử, Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh

Số 475A, Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh; ĐT: 08.35120255

CHẾ PHẨM AF PHÒNG CHỐNG NẤM MỐC SINH ĐỘC TỔ VÀ ĐỘC TỔ NẤM AFLATOXIN TRÊN NGŨ, LẠC



Các nhà khoa học thuộc Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch đã nghiên cứu sản xuất thành công chế phẩm AF phòng chống nấm mốc sinh độc tố và độc tố nấm aflatoxin trên ngũ, lạc.

Chế phẩm AF là sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước “Hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh để phòng chống nấm mốc sinh độc tố và độc tố nấm trên ngũ, lạc, cà phê”. Chế phẩm ở dạng bột, dễ sử dụng, giá thành thấp, mật độ chủng *Aspergillus flavus* đạt 1×10^9 CFU/g, giúp giảm hàm lượng aflatoxin trong ngũ, lạc giai đoạn ngoài đồng và trong quá trình bảo quản. Sử dụng chế phẩm AF giúp cây ngũ, lạc phát triển khỏe mạnh, tăng năng suất (từ 5-15%), giảm độc tố nấm mốc aflatoxin, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và vật nuôi. Chế phẩm đã được ứng dụng ở nhiều tỉnh/ thành trong cả nước như: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Bình, Thanh Hóa, Đắk Lắk...

Chi tiết xin liên hệ: Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

Số 126 Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội;
ĐT: 04.38689187;
Fax: 04.38689131

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM GẠCH ỐP LÁT

NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Lâm Đồng hiện có khoảng 3.000 doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có khoảng 70 doanh nghiệp sản xuất gạch, ngói, sản lượng trên 250 triệu viên/năm (theo số liệu thống kê năm 2014 của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng), chủ yếu cung cấp cho nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay đã có 08 tiêu chuẩn quốc gia và 01 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được ban hành liên quan đến nhóm sản phẩm gạch, ngói. Tuy nhiên, tại Lâm Đồng chỉ có 22/70 doanh nghiệp sản xuất gạch, ngói (chiếm 31,8%) đã thực hiện công bố hợp chuẩn cho sản phẩm phù hợp theo các tiêu chuẩn quốc gia tương ứng; chưa có doanh nghiệp nào thực hiện công bố hợp quy cho sản phẩm theo quy định.

Để giúp các doanh nghiệp, người tiêu dùng hiểu rõ hơn các chỉ tiêu chất lượng, quy định liên quan đến sản phẩm gạch, ngói, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng giới thiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nhóm sản phẩm gạch, đá ốp lát như sau:

Số hiệu quy chuẩn: QCVN 16-6:2014/BXD

Ban hành kèm theo thông tư: 15/2014/TT-BXD

Cơ quan ban hành: Bộ Xây dựng

Ngày ban hành: 15/9/2014 và có hiệu lực từ ngày: 01/11/2014

Phạm vi điều chỉnh: quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ đối với nhóm sản phẩm, hàng hóa gạch, đá ốp lát sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường Việt Nam.

Đối tượng áp dụng: tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ các sản phẩm gạch ốp lát; các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Quy định chung: các sản phẩm gạch ốp lát phải được thiết kế, sản xuất đảm bảo yêu cầu về an toàn cho người sử dụng.

Quy định kỹ thuật đối với Gạch gốm ốp lát ép bán khô

Sản phẩm gạch ốp lát ép bán khô phải được công bố hợp quy phù hợp với QCVN 16-6:2014/BXD cho từng sản phẩm trên cơ sở chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định.

Phương thức đánh giá sự phù hợp:

+ Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm gạch, đá ốp lát được lựa chọn phương thức đánh giá 5 hoặc 7 theo Thông tư hướng dẫn của Bộ KH&CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

+ Việc chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 được áp dụng cho sản phẩm sản xuất ổn định theo cam kết của nhà sản xuất và có hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001. Tổ chức đánh giá sự phù hợp chỉ được cấp Giấy chứng nhận hợp quy có hiệu lực từ 12 tháng trở lên đến 3 năm khi thực hiện đánh giá tại nơi sản xuất. Công tác kiểm soát chất lượng mỗi lô sản phẩm sản xuất hoặc lô hàng hoá nhập khẩu được thực hiện tại các phòng thí nghiệm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật.

+ Việc chứng nhận hợp quy theo phương thức 7 được áp dụng cho từng lô sản phẩm sản xuất, nhập khẩu trên cơ sở thử nghiệm chất lượng mẫu đại diện của lô sản phẩm. Giấy chứng nhận hợp quy chỉ có giá trị đối với từng lô sản phẩm.

Phương pháp lấy mẫu, quy cách, khối lượng mẫu điển hình và trình tự, thủ tục chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy: thực hiện theo quy định tại QCVN 16-6:2014/BXD và Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KH&CN.

Các chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử: sản phẩm gạch ốp lát phải được kiểm tra và thỏa mãn các chỉ tiêu sau: (Bảng)

Quy định về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: ghi nhãn các bao, kiện, sản phẩm hoặc thể hiện trên Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của lô sản phẩm theo quy định. ■

Sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt																
Tên chỉ tiêu	Diện tích bề mặt sản phẩm (S), cm ²															
	S ≤ 90				90 < S ≤ 190				190 < S ≤ 410				S ≥ 410			
	BI _a	BI _b	BII _a	BII _b	BI _a	BI _b	BII _a	BII _b	BI _a	BI _b	BII _a	BII _b	BI _a	BI _b	BII _a	BII _b
A. Sai lệch kích thước, hình dạng (các chỉ tiêu được tính theo %, không lớn hơn) 1. Kích thước cạnh bên: + Sai lệch kích thước trung bình của viên gạch	±1,20	±1,2	±1,2	±1,2	±1,0	±1,0	±1,0	±1,0	±0,75	±0,75	±0,75	±0,75	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6
+ Sai lệch kích thước trung bình của mỗi viên gạch so với kích thước trung bình của tổ mẫu 10 viên	±0,75	±0,75	±0,75	±0,75	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5
2. Chiều dày, d: + Sai lệch chiều dày trung bình của mỗi viên gạch so với chiều dày làm việc tương ứng	±10	±10	±10	±10	±10	±10	±10	±10	±5	±5	±5	±5	±5	±5	±5	±5
3. Độ thẳng cạnh + Sai lệch lớn nhất của độ thẳng cạnh so với kích thước làm việc tương ứng	±0,75	±0,75	±0,75	±0,75	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5
4. Độ vuông góc + Sai lệch lớn nhất của độ vuông góc so với kích thước làm việc tương ứng	±1,00	±1,0	±1,0	±1,0	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6	±0,6
5. Độ phẳng mặt (tính ở 3 vị trí) + Cong trung tâm: sai lệch lớn nhất ở vị trí trung tâm so với chiều dài đường chéo	±1,00	±1,0	±1,0	±1,0	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5
+ Vênh góc: sai lệch lớn nhất ở vị trí góc so với chiều dài đường chéo	±1,00	±1,0	±1,0	±1,0	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5	±0,5
B. Chất lượng bề mặt Diện tích bề mặt quan sát không có khuyết tật trông thấy, %, không nhỏ hơn																

Chỉ tiêu		BI _a	BI _b	BII _a	BII _b	BIII
Độ hút nước (%)	Trung bình	E≤0,5	0,5<E≤3	3<E≤6	6<E≤10	E>10
Độ bền uốn, Mpa	+ Cửa từng mẫu, không lớn hơn	0,6	3,3	6,5	11	-
	+ Trung bình, không nhỏ hơn	35	30	22	18	-
	Gạch có chiều dày ≤7,5 mm	-	-	-	-	15
	Gạch có chiều dày >7,5 mm	-	-	-	-	12
	+ Cửa từng mẫu, không nhỏ hơn	32	27	20	16	10
Độ chịu mài mòn	+ Độ chịu mài mòn sâu đối với gạch không phủ men, tính bằng thể tích vật liệu bị hao hụt khi mài mòn (mm ³ , không lớn hơn)	174	174	345	540	-
	+ Độ chịu mài mòn sâu đối với gạch phủ men, tính theo giai đoạn mài mòn bắt đầu xuất hiện khuyết tật (cấp)	I, II, III, IV	I, II, III, IV	I, II, III, IV	I, II, III, IV	I, II, III, IV
Hệ số giãn nở nhiệt	Từ nhiệt độ phòng thí nghiệm đến 100°C, 10 ⁶ , C ⁻¹ , không lớn hơn	9	9	9	9	9
Hệ số giãn nở âm	mm/m, không lớn hơn	-	-	-	0,6	0,6
Tiêu chuẩn áp dụng	TCVN 7745:2007					
Quy cách lấy mẫu	Số lượng mẫu: 10 viên và tối thiểu là 2 m ²					

Ghi chú:

- Nhóm BI_a: nhóm có độ hút nước E≤0,5%;
- Nhóm BI_b: nhóm có độ hút nước trong khoảng 0,5%<E≤3%;
- Nhóm BII_a: nhóm có độ hút nước trong khoảng 3%<E≤6%;
- Nhóm BII_b: nhóm có độ hút nước trong khoảng 6%<E≤10%;
- Nhóm BIII: nhóm có độ hút nước E>10%;
- a, b: chiều dài các cạnh bên của viên gạch;
- Cấp I, II, III, IV tính theo giai đoạn mài mòn bắt đầu xuất hiện khuyết tật theo bảng sau.

Giai đoạn mài mòn bắt đầu xuất hiện khuyết tật, vòng	Cấp
100	0
150	I
600	II
750, 1.500	III
2.100, 6.000, 12.000	IV
Lớn hơn 12.000	V

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 24 trang).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng**

Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học Công nghệ
Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 063. 3833163.
Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Tỉnh Lâm Đồng

ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC DOANH NGHIỆP



Hội nghị đánh giá kết quả xếp hạng chỉ số PCI Lâm Đồng 2014 và Sơ kết chương trình hợp tác giữa tỉnh Lâm Đồng với VCCI



Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong lĩnh vực tài nguyên - khoáng sản



Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp



Ký kết thỏa thuận hợp tác chăn nuôi bò sữa tỉnh Lâm Đồng và Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) giai đoạn 2015-2020



ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Nhãn hiệu

Là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau; có thể nhìn thấy dưới dạng từ ngữ, hình ảnh hoặc từ ngữ kết hợp với hình ảnh, thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

Nhãn hiệu được pháp luật xem là tài sản trí tuệ của tổ chức, cá nhân.

Nhãn hiệu là phần có thể bảo hộ của thương hiệu.

Quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu

Mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh đều có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cho hàng hóa, dịch vụ của mình.

Chủ thể sản xuất, kinh doanh dịch vụ có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm, dịch vụ mà mình cung cấp.

Chủ thể kinh doanh có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cho hàng hóa mình buôn bán, với điều kiện người sản xuất không sử dụng và không phản đối việc sử dụng nhãn hiệu đó.

Tổ chức, tập thể của các chủ thể kinh doanh có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể cho hàng hóa, dịch vụ của các thành viên.

Đăng ký nhãn hiệu

Là thủ tục hành chính được thực hiện tại cơ quan quản lý trong nước (Cục Sở hữu trí tuệ - SHTT) hoặc cơ quan nước ngoài (đăng ký ra nước ngoài) nhằm xác lập quyền đối với nhãn hiệu xin đăng ký.

Người đăng ký nộp đơn (theo mẫu và hồ sơ quy định) cho Cục SHTT, các Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Đà Nẵng hoặc ủy quyền cho đơn vị đại diện sở hữu công nghiệp thực hiện.

Đăng ký nhãn hiệu là ghi nhận nhãn hiệu và chủ sở hữu vào Sổ đăng ký về nhãn hiệu và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho chủ sở hữu.



Thiết kế nhãn hiệu

Nhãn hiệu phải có cấu tạo độc đáo, dễ nhận biết. Những dấu hiệu sau không có khả năng phân biệt đối với một nhãn hiệu:

- Các hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, tập hợp chữ cái không có khả năng phát âm như từ ngữ;

- Biểu tượng, hình vẽ, tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ;

- Dấu hiệu mang tính mô tả đúng hoặc làm hiểu sai lệch về hàng hóa, dịch vụ (thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị, xuất xứ);

- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với dấu chất lượng, kiểm tra, bảo hành;

- Nhãn hiệu chứa những dấu hiệu không phù hợp với trật tự công cộng hoặc đi ngược với đạo đức xã hội.

Doanh nghiệp cần cân nhắc trước khi đăng ký nhãn hiệu?

Trước khi nộp đơn đăng ký, doanh nghiệp cần tìm hiểu nhãn hiệu đã được nộp đơn đăng ký chưa bằng cách tra cứu thông tin qua:

+ Công báo Sở hữu công nghiệp do Cục Sở hữu công nghiệp phát hành;

+ Đăng bạ quốc gia và Đăng bạ quốc tế về nhãn hiệu (lưu tại Cục SHTT);

+ Cơ sở dữ liệu điện tử về nhãn hiệu trên mạng internet (<http://www.noip.gov.vn>).

- Sử dụng dịch vụ tra cứu thông tin của Cục SHTT;

- Liên hệ phòng Quản lý công nghệ - SHTT (Sở KH&CN) để được tiến hành tra cứu sơ bộ.